**TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH KHOA CHÚ**

***Hòa Thượng Thượng Tịnh Hạ Không chủ giảng***

***Năm 2014***

# **TẬP 65**

*Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi.*

 Mời mọi người cùng tôi quy y Tam Bảo:

“***A Xà Lê tồn niệm***, ***ngã đệ tử Diệu Âm***, ***thỉ tùng kim nhật***, ***nãi chí mạng tồn***, ***quy y Phật Đà***, ***lưỡng túc trung tôn***, ***quy y Đạt Ma***, ***ly dục trung tôn***, ***quy y Tăng Già chư chúng trung tôn***.

***A Xà Lê tồn niệm***, ***ngã đệ tử Diệu Âm***, ***thỉ tùng kim nhật***, ***nãi chí mạng tồn***, ***quy y Phật Đà***, ***lưỡng túc trung tôn***, ***quy y Đạt Ma***, ***ly dục trung tôn***, ***quy y Tăng Già chư chúng trung tôn***.

***A Xà Lê tồn niệm***, ***ngã đệ tử Diệu Âm***, ***thỉ tùng kim nhật***, ***nãi chí mạng tồn***, ***quy y Phật Đà***, ***lưỡng túc trung tôn***, ***quy y Đạt Ma***, ***ly dục trung tôn***, ***quy y Tăng Già chư chúng trung tôn***”.

Mời xem “**Đại Kinh Khoa Chú**” trang 280, chúng ta xem từ hàng thứ nhất “Tên các ngài là tôn giả Kiều Trần Như”. Mời xem chú giải của Niệm lão: “**Tên các ngài là tôn giả Kiều Trần Như. Tôn giả, tiếng Phạn là A lê gia**”, dịch sang tiếng Trung là Thánh giả, Tôn giả. Tức là bậc trí đức đầy đủ đáng tôn trọng, cũng là tiếng tôn xưng A La Hán. Thông thường để xưng A La Hán đều gọi các ngài là “Tôn giả”. Họ có trí huệ, có đức hạnh, đức hạnh chính là trì giới. Trí huệ là tâm thanh tịnh của các ngài, tâm thanh tịnh sanh khởi trí huệ; A La Hán là danh xưng của học vị.

Trong Phật Pháp, chúng ta học Phật nhất định phải nhận thức cho rõ. Phật Pháp là giáo dục Phật Đà, điều này tiến sĩ Thang Ân Tỷ có nói. Ở Đài Loan, trước đây tiên sinh Phương Đông Mỹ cũng nói với tôi, thầy bảo rằng: “***Phật giáo là giáo dục*, *Phật giáo là Vô Thần luận***”. Trong tôn giáo đều có một vị thần, chính là vị chân thần sáng tạo nên vũ trụ. Trong Phật giáo không có, Phật giáo Đại Thừa nói với chúng ta, vũ trụ này từ đâu mà có? Ai đã sáng tạo nên vậy? Tôi tin đồng học chúng ta, rất nhiều người từng đọc qua “Đàn Kinh”. Trong Đàn Kinh, khi Lục Tổ Huệ Năng khai ngộ “*Đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh*”. Khi Ngài kiến tánh, đã nói ra năm câu, năm câu đó chính là bản báo cáo của Ngài, là báo cáo tu học của Ngài. Trong các trường đại học hiện nay gọi là luận văn tốt nghiệp, năm câu đó chính là luận văn tốt nghiệp của đại sư Huệ Năng. Trong đó nói ra cái gì vậy? Nói đến “*Minh tâm kiến tánh*”. Tánh là gì? Anh nói ra cho tôi nghe thử? Huệ Năng đại sư nói ra rồi, câu đầu tiền là “**Nào ngờ tự tánh**, **vốn tự thanh tịnh**”. Tự tánh trước giờ chưa hề bị ô nhiễm qua, nó thật sự là thanh tịnh.

Câu thứ hai bảo rằng: “**Nào ngờ tự tánh**, **vốn không sanh diệt**”. Hết thảy pháp trong khoảng vũ trụ, Phật Pháp đã nói rất cặn kẽ, tỉ mỉ. Phật Pháp nói về mười Pháp giới, nói đến sáu nẻo, tất cả pháp chính là Lục đạo và Thập Pháp giới. Đó đều là pháp sanh diệt, nó có sanh có diệt. Tự tánh không sanh không diệt, cho nên nó là thật.

 **“Phàm những gì có sanh có diệt đều là giả**”, đều không phải thật. Tự tánh chính là chân tánh, cũng gọi là chân như, cũng gọi là bổn tánh, cũng gọi là chân tâm. Học Phật, vì sao phải học Phật? Vì muốn tìm lại chân tâm của chính mình, dùng chân tâm sinh sống, đó gọi là thành Phật. Chân tâm tìm được rồi, sinh hoạt dùng chân tâm, làm việc dùng chân tâm; xử việc, đối người tiếp vật thảy đều dùng chân tâm. Dùng chân tâm chính là Phật. Người “*Minh tâm kiến tánh*”, họ dùng chân tâm, cho nên Tông môn bảo là “*Kiến tánh thành Phật*”. Người kiến tánh được tôn xưng là Phật Đà. Phật Đà là học vị cao nhất trong nhà Phật. Bạn chứng được Phật quả, thì được xưng là Phật Đà; kiến tánh thì được xưng là Phật Đà. Tự tánh không sanh không diệt, họ thấy được thật tướng, Đại Thừa gọi là thật tướng, thật là chân thật. Tướng chân thật là “Vốn tự thanh tịnh, vốn không sanh diệt, vốn tự đầy đủ”.

Câu thứ ba là: “**Vốn tự đầy đủ**”, *vốn* là vốn dĩ, chính mình vốn dĩ là đầy đủ, đầy đủ cái gì? Thích Ca Mâu Ni Phật trong kinh Hoa Nghiêm nói với chúng ta: “**Tất cả chúng sanh đều có trí huệ đức tướng Như Lai**”, đây chính là nội dung của “Vốn tự đầy đủ”. Vốn tự đầy đủ trí huệ, trí huệ viên mãn, trí huệ không gì không biết, là thứ vốn có trong tự tánh của bạn, không phải đến từ bên ngoài. Chỉ cần bạn minh tâm kiến tánh, trí huệ liền hiện tiền.

“Đức” là đức năng, Cổ thánh Tiên hiền Trung Quốc dạy mọi người: “***Ngũ luân, Ngũ thường, Tứ duy, Bát đức***”, đây là “Đức năng”. *Ngũ luân* là đạo, người Trung Quốc bảo là đạo đức; *Ngũ thường, Tứ duy, Bát đức* đều thuộc về “Đức”. Nó từ đâu mà có vậy? Từ trong tự tánh vốn dĩ đầy đủ mà có, không phải đến từ bên ngoài. Sau khi kiến tánh, bạn khởi tâm động niệm, lời nói việc làm tự nhiên sẽ tương ưng với đạo đức. Vì sao? Vì lúc này đạo đức đã được bộc lộ ra cả rồi, mỗi người chúng ta đều có. Có trí huệ, đạo đức, giống hệt với Như Lai. Vậy tại sao bây giờ mất rồi? Vì bây giờ bạn bị phiền não chướng ngại mất rồi, bị phiền não che lấp, không hiển bày ra được. Toàn lộ ra cái gì? Chính là phiền não. Cũng đồng nghĩa nói, đem trí huệ đức năng biến thành phiền não. Thế thì sai rồi, mục đích học Phật chính là phải trở về với tự tánh, chúng ta phải “Minh tâm kiến tánh”.

Sau khi “Minh tâm kiến tánh”, trí huệ sẽ hiện tiền, không hề khác biệt so với Phật. Đạo đức của chúng ta được khôi phục, giống hệt với Phật. Còn có tướng hảo, tướng hảo là gì? Tướng hảo chính là y báo và chánh báo của chúng ta. Chánh báo là thân thể, y báo là hoàn cảnh sinh sống của chúng ta. Tướng hảo là như thế nào vậy? Trong kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ nói về tây phương Thế Giới Cực Lạc, đó chính là tướng hảo. Thiên thân Bồ Tát soạn bộ “Vãng sanh luận”, vì chúng ta nói rõ Thế Giới Cực Lạc, có 29 loại tướng hảo. Y báo là hoàn cảnh cư trú của chúng ta, hoàn cảnh nói ra 17 loại, chánh báo là con người sinh sống trong đó. Người thì có lão sư, có học trò. Lão sư là A Di Đà Phật, nói ra tám loại tướng hảo. Học trò, chính là người vãng sanh đến Thế Giới Cực Lạc ở khắp mười phương, có bốn loại tướng hảo, tổng cộng 29 loại. Trang nghiêm thù thắng không gì bằng, không phải như kiểu của chúng ta hiện nay.

Sanh đến Thế Giới Cực Lạc, bất kể là thuộc vào phẩm vị nào, dẫu cho có là phàm thánh Đồng Cư Độ, hạ hạ phẩm vãng sanh. Trong bổn nguyện A Di Đà Phật nói với chúng ta: “**Mọi người đều trở thành A Duy Việt Trí Bồ Tát**”, A Duy Việt Trí chính là Bồ Tát. “Minh tâm kiến tánh”, cái này không phải chúng ta tu mà thành, đó là nhờ oai thần bổn nguyện của A Di Đà Phật gia trì; khiến chúng ta sanh đến Thế Giới Cực Lạc, đều chứng đắc A Duy Việt Trí Bồ Tát. A Duy Việt Trí là tiếng Phạn, dịch thành ý nghĩa Trung Quốc, có nghĩa là “Bất thối chuyển”.

Có ba loại bất thối chuyển, là: “***Vị bất thối, hạnh bất thối và niệm bất thối***”, cho nên gọi là “***Viên chứng Tam bất thối***”. Đồng học chúng ta nên biết, đời này chúng ta thật quá may mắn. Bạn làm sao có thể gặp được pháp môn này? Gặp được pháp môn này, một đời là có thể thành tựu, không cần phải đợi đến đời sau. Hải Hiền lão Hòa thượngcủa chùa Phật Lai vùng Nam Dương, tỉnh Hà Nam, đã là ra tấm gương tốt nhất cho chúng ta; bộ sách “Lai Phật Tam Thánh Vĩnh Tư Tập”, trong đó còn kèm theo một chiếc đĩa. Lão Hòa thượng 112 tuổi vãng sanh, vãng sanh vào tháng giêng năm ngoái. 112 tuổi, không biết chữ, chưa từng được đi học, sư phụ của Ngài là một người hết sức phi thường, cũng giống như lão Hòa thượng Đế Nhàn vậy.

Ngài Hải Hiền 20 tuổi xuất gia, sư phụ nhìn chàng thanh niên này có thiện căn, thiện căn là gì? Là “Thật thà, nghe lời, thật làm”, người này đầy đủ thiện căn. Người thanh niên này có phước báu, phước báu là gì? Không phải chỉ cho người có tiền của, không phải người có địa vị. Ngài có phước, phước báu của Ngài là sự chân thành. Người chân thành là người có phước, biết cung kính, đối người, đối việc, đối vật đều cung kính. Thật khó được, người cung kính có phước.

Thứ ba là “***Tâm địa thanh tịnh***”, đồng nghĩa ít vọng tưởng, ít tạp niệm. Người này là một đứa con hiếu thảo, là một đứa học trò ngoan. Lão sư gặp được một người như vậy, không bao giờ xem nhẹ mà bỏ qua, phải dạy dỗ người đó cho tốt. Vì sao? Vì cuộc đời của người này có thể thành Phật. Ngài đầy đủ điều kiện thành Phật, lão sư quả nhiên không nhìn lầm người. Sư phụ chỉ dạy Ngài một câu “Nam Mô A Di Đà Phật”, chẳng dạy cái gì khác. Chỉ dạy Ngài câu Phật hiệu như thế, dặn dò Ngài cứ thế mà niệm tiếp tục. Câu Phật hiệu này, Ngài đã niệm suốt 92 năm, không hề chuyển hướng, không thay đổi pháp môn, chỉ thật thà mà niệm Phật hiệu, niệm 92 năm.

Ngài 20 tuổi xuất gia, sư phụ dạy Ngài, từ đó Ngài bắt đầu niệm, niệm đến công phu nào? Chúng ta hãy xem một ví dụ vào thời cận đại, lão Hòa thượng Đế Nhàn có một người đồ đệ là Thợ vá nồi. Người đồ đệ này thuở nhỏ đã gắn bó bên Ngài, cùng nhau vui chơi, họ cùng lớn lên nơi vùng thôn quê. Đáng tiếc gia cảnh người này bần hàn, không được đi học, cũng không có khả năng mưu sinh. Cho nên học được cái nghề đi vá nồi, vá chén. Cái nghề này rất khổ, so ra đỡ hơn kẻ ăn mày một chút. Những năm về sau, hơn bốn mươi tuổi, ông tìm đến pháp sư Đế Nhàn. Pháp sư Đế Nhàn đã xuất gia rồi, ông thấy pháp sư cũng không tệ, được rất nhiều người tôn kính, cúng dường; còn ông ngay cả bữa cơm cũng đã khó rồi, cho nên ông muốn theo Hòa thượng Đế Nhàn xuất gia. Câu chuyện này, tôi nghĩ rất nhiều đồng học đều biết. Sau cùng, lão Hòa thượng Đế Nhàn từ bi đã thu nhận ông, nhưng do ông không biết chữ. Năm bài công khóa ở trong Tự viện, ông không biết làm. Ngày tháng sẽ không dễ sống, người ta sẽ coi thường ông, học Kinh giáo lại không biết chữ.

Cho nên, sau khi thế độ không có thọ giới, bèn gửi ông về nông thôn, nơi đó có một cái miếu hoang, không người ở. Cái miếu nhỏ đó cũng đã hoang tàn dột nát, để ông trú tại nơi đó, rồi tìm mấy người Phật tử sống lân cận, đại khái đều là đệ tử quy y của lão Hòa thượng Đế Nhàn. Gửi cho họ một ít gạo, một ít rau, nhờ họ chăm sóc cho ông, để ông một mình nơi đó niệm Phật. Cũng chỉ dạy ông một câu “Nam Mô A Di Đà Phật”, dặn ông cứ thế mà niệm, niệm mệt rồi thì nghỉ, nghỉ khỏe rồi lại tiếp tục niệm, không phân ngày đêm. Người Thợ vá nồi thật nghe lời, ưu điểm của ông chính là “Lão thật, nghe lời, thật làm”.

Sư phụ dạy ông, ông hoàn toàn làm theo không hề trái nửa lời, niệm mệt rồi thì nghỉ, nghỉ khỏe rồi lại niệm tiếp. Niệm được ba năm, thấy Phật rồi, Phật nói với ông: lúc nào thì đến tiếp dẫn ông vãng sanh. Biết trước ngày giờ, đứng mà vãng sanh. Chỉ một câu Phật hiệu, niệm ba năm, cái gì cũng không biết, chưa hề nghe qua kinh cũng chưa hề niệm một câu chú nào. Vì sao? Đó chính là một lòng chuyên niệm. Người Thợ vá nồi đã chịu đủ mọi khổ sở ở đời này, về sau chân thật phát tâm quy y, gửi gắm đời mình nương vào Tam Bảo. Ba năm, A Di Đà Phật đã đến tiếp dẫn ông đến Thế Giới Cực Lạc.

Thiện căn và phước đức của Hải Hiền lão Hòa thượng còn thuần hơn, sâu hơn so với Thợ vá nồi. 20 tuổi, sư phụ chỉ dạy cho Ngài một câu Phật hiệu, bảo cứ thế mà niệm tiếp tục, Ngài thật làm. Niệm ba năm thì thế nào? Niệm ba năm, nếu so với Thợ vá nồi, có lẽ Thợ vá nồi niệm đến công phu thành phiến, nhất định vãng sanh. Vẫn còn thọ mạng, lúc Phật đến, nói với ông:

- “*Con vẫn còn bao năm thọ mạng*, *đợi đến khi mạng chung ta sẽ đến tiếp dẫn con*”.

Phật thọ ký cho ông, để tín tâm, nguyện tâm của ông tăng trưởng thêm. Nhưng có một số người, dẫu vẫn còn thọ mạng nhưng họ không cần. Thế gian này quá khổ, nên họ đề nghị đi trước.

*-* “*Bây giờ con muốn đi ngay với Ngài*”.

Phật rất từ bi, nhất định sẽ đồng ý. Trong “Tịnh Độ Thánh hiền Lục”, chúng ta thấy pháp sư Oánh Kha triều Tống, là một vị Tỳ kheo phá giới. Tự mình biết rằng, nếu ông không vãng sanh, nhất định sẽ bị đọa vào A Tỳ Địa ngục; chỉ có vãng sanh Thế Giới Cực Lạc, mới không đọa vào Địa ngục. Nên ông bèn đóng cửa liêu phòng, một câu Phật hiệu niệm suốt ba ngày ba đêm, không ngủ, không nghỉ, niệm đến sức cùng lực kiệt. Tâm chân thành cảm ứng, A Di Đà Phật đến thật, nói với ông:

*-* “*Con vẫn còn mười năm thọ mạng*, *mười năm sau ta sẽ đến tiếp dẫn con*”.

Oánh Kha lúc đó phúc chí tâm linh, đột nhiên thông minh ra, bèn thỉnh cầu với A Di Đà Phật:

*-* “*Mười năm tuổi thọ này con không cần*, *bây giờ con đi ngay với Ngài*”.

A Di Đà Phật cũng đồng ý rồi, Ngài nói:

*-* “*Vậy ba ngày sau ta đến đón con*”.

Ba ngày sau, ông thật sự vãng sanh. Câu chuyện này không phải bịa đặt, nếu là giả không thể nào được viết trong “Vãng sanh Truyện”, không thể có chuyện đó. Bạn xem, tạo tội nghiệp, ba ngày ba đêm liền giải quyết được vấn đề. Tại sao Oánh Kha làm được? Vì ông thật tin, thật Làm, không phải làm giả dối. Những người học Phật như chúng ta, thua xa so với ông.

Gần nhất thì có cư sĩ Lưu Tố Vân, cô ấy cũng báo cho chúng tôi một tin: Cô ấy tiễn anh rể của mình vãng sanh rồi. Anh rể tuy rằng niệm Phật đã bốn, năm năm nay nhưng tính tình rất hay nóng giận, tâm sân hận rất nặng. Người mà ông oán hận nhất chính là vợ ông, với con dâu, oan gia gom chung một nhà; không phải oan gia không về chung nhà. Ông thề rằng:

- “*Tôi có chết cũng không tha cho mấy người*, *có làm quỷ cũng phải đến tìm mấy người*”.

Cư sĩ Lưu Tố Vân tận hết sức lực, trăm công ngàn khổ khuyên giải ông. Đến cuối cùng, ông chịu buông bỏ lòng oán hận, buông bỏ nên sanh về Cực Lạc rồi, tướng lành hy hữu. Cuối cùng hóa giải được ân oán giữa hai người họ. Con dâu cũng thay đổi, chịu quay đầu rồi, không còn oán hận cha chồng nữa; cha chồng cũng tha thứ cho con dâu. Thật vô cùng không dễ gì, nhất định phải hiểu cho rõ ràng, minh bạch.

Đạo lý về nhân-quả, không vãng sanh thì đời sau của anh sẽ là Địa ngục. Ra khỏi Địa ngục rồi, anh với con dâu của mình lại gặp nhau, vẫn sẽ là oan gia đối đầu, không biết sẽ gây nên tội nghiệp thế nào. Tạo nghiệp xong rồi, vẫn là ở Tam đồ chịu khổ; đời đời kiếp kiếp oan oan tương báo không ngừng không dứt. Cái việc này người thông minh sẽ không làm, người thông minh làm sao làm ra loại chuyện này được! Làm rõ ràng, sáng tỏ mọi chuyện rồi. Hai người họ đều buông bỏ, như thế mới vãng sanh Thế Giới Cực Lạc, con dâu cũng không còn oan gia trái chủ đến gây phiền phức nữa. Thế mới biết, vãng sanh Thế Giới Cực Lạc chân thật có thể giải quyết vấn đề.

Chúng ta trong các buổi giảng, thường hay nghe nói đến Pháp vận của Thế Tôn: Chánh pháp một ngàn năm, Tượng pháp một ngàn năm, Mạt pháp mười ngàn năm. Hiện nay là ngàn năm thứ hai của thời Mạt pháp, cũng tức là kể từ thời điểm của chúng ta hiện nay. Pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật về sau vẫn còn chín ngàn năm. Tông môn, Giáo hạ đều không thể thoát khỏi, duy chỉ có người niệm Phật mới có thể thoát khỏi.

Trong kinh Đại Thừa có nói đến bốn loại này: Chánh pháp, Tượng pháp, Mạt pháp và Diệt pháp. Dựa vào cái gì để đánh giá? Trong kinh Đại Thừa có nói với chúng ta, có người giảng kinh. Thích Ca Mâu Ni Phật khi còn tại thế, thì Phật là người giảng kinh, chúng đệ tử nghe kinh, tức là có người nghe kinh, có người tu hành, có người chứng quả. Tôn giả Kiều Trần Như là người chứng quả đầu tiên, đây chính là Chánh pháp. Thế nào gọi là Tượng pháp? Có giảng kinh, có nghe kinh, có tu hành, không có chứng quả, đó gọi là Tượng pháp, do không có người chứng quả. Loại thứ ba là Mạt pháp, có giảng kinh, có nghe kinh, không có người tu hành, không có người chứng quả, đây gọi là Mạt pháp. Đến sau cùng, ngay cả giảng kinh đến nghe kinh cũng không có, đó gọi là Diệt pháp, pháp bị diệt mất rồi. Chúng ta nhìn từ ý nghĩa của đoạn kinh này thấy rằng, pháp môn Tịnh Độ là Chánh pháp của Phật Thích Ca.

 Hiện nay vẫn là Chánh pháp, vì sao? Vì có giảng kinh, có nghe kinh, có tu hành; niệm Phật chính là tu hành, vãng sanh chính là chứng quả. Cho nên, trong Tịnh Độ tông có tu hành, có chứng quả, đó chính là Chánh pháp. Chúng ta minh bạch cái lý này mới biết, pháp môn Tịnh Độ là Pháp thuần chánh của Thích Ca Mâu Ni Phật. Chúng ta gặp được rồi, gặp được rồi phải nên niệm Phật, phải học theo lão Hòa thượng Hải Hiền, một câu Phật hiệu niệm đến cùng, vạn duyên buông xả. Tôi coi chiếc đĩa đó đã bốn, năm chục lần rồi, tôi khuyên các đồng học một ngày nên xem ba lần, một ngày niệm mười ngàn câu Phật hiệu, mười ngàn câu Phật hiệu đại khái mất khoảng hai tiếng đồng hồ. Cái đĩa đó xem khoảng một tiếng, một ngày dành ra năm tiếng. Tu hành một năm không gián đoạn, bạn chắc chắn vãng sanh Tịnh Độ, coi như đời này bạn không uổng công.

 Đến thế giới này rồi, cái bạn tu chính là Chánh pháp của Như Lai. Hải Hiền lão Hòa thượng có thể tác chứng cho chúng ta. Tôi từ chiếc đĩa này nhìn thấy, Ngài không hề thấp hơn người Thợ vá nồi. Hay nói cách khác, Ngài niệm Phật ba năm, cũng tức là năm Ngài 23 tuổi. Nếu như Ngài nói: “*Con không cần thọ mạng nữa*, *muốn theo A Di Đà Phật vãng sanh*”, coi như Ngài đi được rồi. Con người chỉ cần đạt đến công phu thành phiến, quyết định thấy Phật.

Trong hội Lăng Nghiêm, Đại Thế Chí Bồ Tát nói với chúng ta: “**Nhớ Phật niệm Phật**, **hiện tiền**, **tương lai**, **nhất định thấy Phật**”. Những người niệm Phật này, miệng niệm Phật, tâm nghĩ đến Phật. Trong tâm ngoại trừ A Di Đà Phật ra, cái gì cũng không có, tâm thanh tịnh, đây gọi là công phu thành phiến. Người như vậy, Phật nhất định hiện thân đến, nói với bạn: Lúc nào thì Ngài đến tiếp dẫn họ vãng sanh? Giúp họ kiên định thêm tín tâm lẫn nguyện tâm. Dẫu cho họ vẫn còn thọ mạng, vẫn muốn tiếp tục ở lại cõi này tu hành, được! Tu hành ở thế gian này, thù thắng hơn so với Thế Giới Cực Lạc, cái này trong kinh nói rất rõ. Ngài tiếp tục tu thêm ba năm nữa, Ngài có thể đạt đến “Sự nhất tâm bất loạn”. Sự nhất tâm bất loạn thì tâm thanh tịnh hiện tiền.

“**Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác**” trên đề kinh của chúng ta, thì thanh tịnh của họ xuất hiện, tâm thanh tịnh hiện tiền tương đương với A La Hán. Vãng sanh đến Thế Giới Cực Lạc, sanh đến cõi Phương Tiện Hữu Dư, đây là đạt đến sự nhất tâm. Ở cõi này đạt đến “Sự nhất tâm” nhưng chưa vãng sanh, lại tiếp tục hướng lên cao hơn. Dành thêm thời gian năm, ba năm nữa đạt đến “Lý nhất tâm bất loạn”. Lý nhất tâm bất loạn chính là chữ “Bình đẳng” trên đề kinh. Tâm bình đẳng đạt được rồi, “Giác” là “*Đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh*”, sanh đến cõi Thật Báo trang nghiêm của Thế Giới Cực Lạc. Đến Thế Giới Cực Lạc liền thành Phật, “Hoa khai kiến Phật”.

Hải Hiền lão Hòa thượng vào lúc nào chứng được cảnh giới này vậy? Tôi đoán vào khoảng năm Ngài 30 đến 40 tuổi. Trong giai đoạn này chứng đắc “Lý nhất tâm bất loạn”, Ngài có thể tự tại vãng sanh. Thế mà không vãng sanh, lại trụ ở thế gian này lâu như vậy, 112 tuổi mới vãng sanh? Ngài gặp mặt A Di Đà Phật rất nhiều lần. Trong này có tiết lộ một chút tin tức, chúng ta phải để ý. Ngài có nói một câu, có người hỏi Ngài:

*-* “*Sư thấy A Di Đà Phật rồi*. *Vậy A Di Đà Phật nói gì với sư vậy*?”.

- “*Nhiều lần tôi xin A Di Đà Phật đưa tôi đến Thế Giới Cực Lạc*”, Ngài nói.

Nhưng A Di Đà Phật nói với Ngài:

*-* “*Con tu hành không tệ*, *hãy ở lại thế gian này thêm ít năm để biểu pháp*, *làm tấm gương tốt cho mọi người xem*”.

Cho người tu hành nhìn thấy, nên Ngài mới có tuổi thọ dài như vậy. Tôi không cho rằng đó là tuổi thọ vốn có của Ngài, tuổi thọ đó là A Di Đà Phật kéo dài cho Ngài. Bởi vì, A Di Đà Phật muốn Ngài làm tấm gươngđể độ cho chúng sanh thời Mạt pháp. Chúng sanh thời Mạt pháp xảy ra vấn đề, Tịnh tông gặp phải rắc rối chưa từng có trong lịch sử trước đây. Vấn đề này chính làbổn hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư và tập chú giải của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ. Chúng ta suốt mười mấy, hai mươi năm qua, y theo bổn này mà hành; biết bao người phản đối, biết bao người hủy báng, số người thì đông, quy mô lại lớn. Chuyện này chưa từng xảy ra trong lịch sử Trung Quốc. Chúng ta gặp phải đại nạn này, khiến cho rất nhiều người không dám học bổn hội tập này nữa, thậm chí còn đem bổn kinh này đốt mất. Chúng ta gặp phải kiếp nạn lớn như vậy đó, cho nên mới để ngài Hải Hiền đến biểu pháp. Khi nào được vãng sanh, A Di Đà Phật nhất định sẽ nói cho Ngài biết:

- “*Khi nào con gặp được quyển sách*, *gọi là*: *nếu muốn Phật Pháp hưng*, *chỉ có Tăng khen Tăng*. *Nếu như quyển sách này xuất hiện*, *biểu pháp của con*, *công đức coi như viên mãn rồi*”.

A Di Đà Phật liền đến đón Ngài vãng sanh. Bởi thế, Ngài đã đợi mãi đến năm 112 tuổi, mới có bốn vị cư sĩ đến cái miếu nhỏ thăm Ngài, mang theo quyển sách đó đến tặng cho Ngài. Lão Hòa thượng không biết chữ, chưa từng được đi học, Ngài hỏi người ta:

*- “Sách này là sách gì vậy?*

 Mấy người cư sĩ đó nói với Ngài:

- “*Sách này là*: *Nếu muốn Phật Pháp hưng*, *chỉ có Tăng khen Tăng*”.

Ngài nghe được tên quyển sách, vui mừng vô hạn. Theo như mấy người cư sĩ đó hình dung, giống như chờ đợi một món báu vật, đã chờ rất lâu vậy, cuối cùng cũng đợi được rồi. Rất là vui mừng, cực kỳ hoan hỷ, Ngài liền mặc chiếc áo cà sa mà Ngài yêu quý nhất, cũng chính là chiếc Tổ y mà chúng ta hay nói. Mặc áo xong, nói với mọi người:

*-* “*Tôi khoác chiếc áo này*, *mấy người chụp hình cho tôi với*”.

Coi như biểu pháp viên mãn! Sau khi chụp hình xong, ba ngày sau thì Ngài vãng sanh. Mấy đồ đệ của Ngài nói rất rõ, Ngài biểu pháp gì? Biểu pháp thứ nhất, nói với chúng ta, các đồng học niệm Phật: Bổn hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư là chân kinh, không hề giả, không cần phải hoài nghi. Biểu pháp thứ hai, là bản chú giải, tập chú của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, đó là những lời được dẫn từ Kinh luận, Chú sớ của Tổ sư đại đức; chữ chữ câu câu đều là thật, không hề giả. Biểu pháp thứ ba, những năm qua chúng ta y theo cái bổn này, y theo bản chú giải này mà tu hành, không có đi sai đường. 112 tuổi, 92 năm một câu Phật hiệu niệm đến cùng, đó chính là chứng minh sau cùng cho chúng ta. Ngài vãng sanh hết sức hoan hỷ; chúng tôi nghe được tin tức này, rất vui mừng. Không còn hoài nghi nữa, nghi ngờ quả thật sai rồi.

Bạn xem, trong mười mấy năm qua, người tu theo bổn kinh nàyrất nhiều người vãng sanh Thế Giới Cực Lạc, tướng lành hy hữu. Đây rõ ràng đủ để chứng minh cho chúng ta, giúp chúng ta kiên định “Tín, nguyện”. Huống hồ lão Hòa thượng nhận sự phó chúc của A Di Đà Phật, đặc biệt đến vì cái biểu pháp này nữa chứ. Lại quan sát tỉ mỉ cả đời của lão Hòa thượng, sống trong một cái miếu nhỏ ở nông thôn. Quả thật Ngài đã niệm đến “Lý nhất tâm bất loạn”, Ngài làm ra tấm gương để chúng ta thấy rồi.

Vào thời đại này, giống như Ngài mà tu hành sẽ không có bất kỳ chướng ngại nào. Một đời với người vô tranh, với đời vô cầu, công việc của Ngài là làm nông; từ nhỏ đều là ở trên cánh đồng mà trưởng thành. Cho nên đối với những kiến thức về trồng trọt, Ngài rất là phong phú. Sau khi xuất gia, cái miếu nhỏ này rất là vắng vẻ, không có người đến thắp hương, không có người cúng dường. Trong miếu có năm người xuất gia sống trong đó, phải dựa vào lao động của chính mình, chính là tự mình trồng trọt mới có cơm ăn. Nếu bản thân không trồng trọt thì kế sinh nhai sẽ là cả một vấn đề, Ngài đối với việc trồng trọt hết sức thành thạo. Trong ngôi chùa đó tổng cộng có năm người, có năm mẫu ruộng coi như đủ rồi. Vấn đề sinh hoạt của một nhà năm miệng ăn sẽ không thành vấn đề, nhưng Ngài lại vô cùng cần mẫn, vẫn còn trẻ, còn có sức khỏe.

Ngài khai hoang, đất hoang trên núi, không có người; Ngài khai khẩn nó ra để trồng lương thực, trồng rau, trồng trái cây. Cả đời khai khẩn được hơn một trăm mẫu đất, đáng lý Ngài rất giàu có, thu hoạch rất khả quan. Nhưng Ngài không mang đi bán lấy tiền, hoàn toàn dùng nó để đi cứu tế. Những người nghèo khổ của bốn vùng xung quanh không có cái ăn, cái mặc, Ngài đều chăm lo đến. Nhận sự giúp đỡ của Ngài có hơn ngàn vạn người. Sự bố thí của Ngài, không phải của người khác cúng dường cho Ngài rồi Ngài lấy đi bố thí, không phải như vậy; mà là tự mình lao động, tự mình trồng trọt lấy, lấy thu hoạch của mình ra bố thí.

 Chiếc đĩa đó, các vị hãy mang về, nhất định phải xem. Nếu bạn nghe lời tôi, một ngày xem ba lần, xem nó như kinh Vô Lượng Thọ. Phía sau tôi có làm một cái tổng kết, chiếc đĩa đó của Ngài là tổng kết của kinh Vô Lượng Thọ. Những gì nói trong kinh Vô Lượng Thọ, Ngài đều làm được, áp dụng trong cuộc sống, áp dụng vào công việc, vào cách xử việc, đối người, tiếp vật. A Di Đà Phật muốn Ngài đến biểu pháp, chứ không nhờ người khác, đó có cái lý của nó. Ngài đích thực biểu pháp rất tốt, biểu quá tuyệt, quá viên mãn. A Di Đà Phật muốn tìm một người như vậy thật không dễ dàng. Ngài không phụ lòng phó chúc của A Di Đà Phật, thật sự làm được rồi, sau cùng Phật đã đến tiếp dẫn Ngài, vui vẻ hoan hỷ vãng sanh.

 Sự việc này, đồng học Tịnh tông chúng ta có sứ mạng, có nhiệm vụ: Phải mang tin tức này, báo với đồng tu niệm Phật, khuyên mọi người học theo Hải Hiền lão Hòa thượng: “***Một đời này quyết định vãng sanh Tịnh Độ***”. Cõi này cái gì cũng là giả, không có thứ gì đáng để chúng ta lưu luyến. Nếu bạn còn lưu luyến bất kỳ thứ gì, bạn không thể nào vãng sanh được, bạn vẫn là xoay vần trong vòng sáu nẻo luân hồi. Nếu đem luân hồi ra đối chiếu với Thế Giới Cực Lạc, bạn muốn đi đến nơi nào? Bạn muốn tiếp tục ở trong sáu nẻo, hay là muốn vãng sanh đến Thế Giới Cực Lạc? Đó đều phải nghe theo lựa chọn của bạn. Chọn đến Thế Giới Cực Lạc, lại không muốn từ bỏ Lục đạo luân hồi, thế thì làm sao? Đó là do bạn nhận thức chưa đủ thấu triệt đối với Thế Giới Cực Lạc. Thế thì bạn cần phải nghe kinh; nếu công phu nghe kinh không đắc lực, có thể chưa cần nghe kinh.

Tôi khuyên bạn trước tiên xây dựng nền tảng cái đã, chính là nghe cái đĩa đó một ngày ba lần, nghe một ngàn lần là một năm, một năm sau hẵng nghe kinh. Đến lúc đó sẽ hoàn toàn khác đi. Bây giờ bạn nghe kinh không hiểu, một năm sau bạn sẽ hiểu, bạn sẽ nghe ra mùi vị trong đó. Lần này tôi tiếp nhận do đồng học Đài Nam sắp xếp cho tôi, qua bên này điều dưỡng sức khỏe. Một ngày ít nhất phải làm ba lần: Sáng hai lần, chiều một lần. Cho nên, buổi giảng kinh vào buổi sáng đành ngưng lại. Trong khoảng thời gian này chỉ giảng vào buổi chiều, chúng ta còn có một lớp học. Các đồng học trong lớp đó rất đáng mến, thành tích học tập vô cùng tốt; chúng ta cũng không thể bỏ lớp đó được. Cho nên, hiện giờ chúng ta đều giảng kinh vào buổi chiều, từ ba giờ đến năm giờ. Thứ ba, thứ năm, thứ bảy là thời gian của lớp; thứ hai, thứ tư, thứ sáu và ngày chủ nhật thì chúng ta giảng kinh. Mỗi ngày chúng ta theo dõi bài học của lớp đó, mọi người cùng nhau chia sẻ. Khoảng thời gian này, mong mọi người lượng thứ, thời gian giảng kinh của chúng ta sẽ ít đi một chút. Thời gian điều trị mất khoảng hơn hai tháng, hơn hai tháng nếu như có hiệu quả thì loại điều dưỡng này sẽ rất có ích. Đối với người già, cũng có thể giới thiệu với mọi người; người lớn tuổi nên chăm sóc giữ gìn sức khỏe cho tốt để có thể sánh bước cùng Hải Hiền lão Hòa thượng.

Vị Hòa thượng này tuy 112 tuổi, nhưng thể lực và tinh thần của Ngài, đại khái chỉ tầm người bốn, năm mươi tuổi. Điều này, không một ai không ngưỡng mộ. Tuy tuổi tác lớn rồi nhưng Ngài không già, việc gì cũng làm. Vào cái ngày ra đi, vãng sanh vào buổi tối; ngày hôm đó, từ sớm đến tối đều làm trong vườn rau: Nhổ cỏ, tưới nước, san đất, làm mãi đến trời tối. Có người thấy Ngài, bèn nói:

- “*Lão Hòa thượng nghỉ tay đi thôi, đừng làm nữa*”.

Ngài trả lời thế nào?

*-* “*Xong rồi*, *làm xong rồi tôi sẽ không làm nữa*”.

Tối hôm đó thì Ngài ra đi. Mọi người nghe mấy lời này nhưng không để ý; đến ngày thứ hai ngẫm lại, lão Hòa thượng đã biết trước ngày giờ, biểu diễn cho mọi người xem. Buổi tối vãng sanh, vậy mà còn làm cả ngày, không nghỉ ngơi, làm việc hết một ngày.

Cho nên, biểu pháp của Ngài thật biểu quá chu đáo. 20 ngày trước lúc vãng sanh, còn đến thăm lão đồng tu và đạo tràng mà Ngài đã xuất gia. Đạo tràng đã từng ở đều xem qua một lượt, Ngài muốn từ biệt với mọi người. Tâm lão Hòa thượng vô cùng từ bi, lương thiện. Ngài làm ra tấm gương niệm Phật tốt nhất cho mọi người. Niệm Phật không chướng ngại sinh hoạt, không chướng ngại công việc, không chướng ngại khi giao tiếp, không có chút cản trở nào. Trong tâm vạn duyên buông xả, chỉ có một câu Phật hiệu, chỉ có một vị Phật A Di Đà. Ngài không có vọng niệm, không có tạp niệm. Cho nên Ngài niệm đến “Công phu thành phiến”, đến “Nhất tâm bất loạn”; “Sự nhất tâm”, “Lý nhất tâm” Ngài đều chứng được. Các vị coi chiếc đĩa đó là biết ngay thôi. Cái đĩa đó xem trăm lần cũng chưa chán, càng xem càng thích. Đồng học trong lớp huấn luyện của chúng ta, có người hết sức nghiêm túc xem. Có người nói với tôi, một ngày xem năm lần; một năm tương đối xem cũng gần hai ngàn lần. Công phu này rất sâu, thù thắng không gì bằng, làm đệ tử số một của A Di Đà Phật.

Kiều Trần Như là đệ tử đầu tiên của Thích Ca Mâu Ni Phật. Mục đích xếp Ngài vào chỗ này, để làm gì? Các vị đọc qua rất nhiều kinh, bạn xem, trong kinh người được kể đến trước tiên, có mấy quyển nêu tên Kiều Trần Như? Đều là Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên; nhưng trong pháp hội này, Kiều Trần Như được nói đến trước, Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên xếp ở sau. Dụng ý gì vậy? Biểu thị pháp môn này, là pháp môn bậc nhất của Phật Thích Ca. Học pháp môn này, là đệ tử bậc nhất của Thích Ca Mâu Ni Phật, cũng là đệ tử số một của A Di Đà Phật. Đệ tử số một thì làm gì có chuyện không vãng sanh? Làm gì có chuyện không thành Phật được chứ? Chúng ta phải hiểu cái ý này.

Chúng ta đọc tiếp: “**Kiều Trần Như**, **tên gọi đủ trong tiếng Phạn là A Nhã Kiều Trần Như**. **A Nhã là tên**, **Kiều Trần Như là họ**”, đây đều là âm dịch từ Phạn văn. Dịch sang ý nghĩa Trung Quốc là “Liễu Bổn Tế”, hoặc dịch thành “Tri Bổn Tế”, hoặc dịch là “Dĩ tri”, cũng dịch là “Vô tri”. Ý nghĩa của từ “Vô tri” này, trong dấu ngoặc đơn này có giải thích “**Vô tri không có nghĩa là không biết gì**, **mà có nghĩa là biết được cái không**”, tức là nói Ngài biết mọi thứ thuộc về “Không”, “Không” là gì? “Không” là chân tướng, là thật tướng.

 Có cái là giả tướng, kinh Kim Cang nói rất hay: “**Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng**”, bạn biết nó là hư vọng chính là biết không, biết không thì sao? Biết là không thì lợi ích vô cùng, biết là không bạn liền có thể buông xả, bạn không còn để nó trong tâm. Vì sao? Ví nó là giả, là “Không”. Cái này tốt, người biết được “Cái không”, tâm sẽ là định; người nghĩ rằng “Có”, tâm tình dao động, gọi là tâm tánh xốc nổi. Cho nên, biết là “Không” là trí huệ, trí huệ chân thật. “Bổn tế” chính là “Bổn tánh”, “Liễu Bổn Tế” tức là minh tâm kiến tánh, “Tri Bổn Tế” cũng là minh tâm kiến tánh. Thông suốt, tường tận, kiến tánh rồi.

Chúng ta xem tiếp:“**Ngài Tịnh Ảnh bảo**”, ngài Tịnh Ảnh chính là tiểu Huệ Viễn đời nhà Tùy. Ngài chú giải kinh Vô Lượng Thọ, gọi là “Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Sớ”. Hậu Thế Tôn trọng Ngài nên không gọi tên Ngài, mà gọi tên chùa nơi Ngài ở, gọi là chùa Tịnh Ảnh, nên gọi Ngài là đại sư Tịnh Ảnh. Trong “Chú sớ”, Ngài có nói: “A” dịch sang tiếng Trung là “**Vô**”, “Nhã” dịch sang tiếng Trung gọi là “**Trí**”, **Vô Trí**. “**Chứng vô thành trí**”, chứng đắc vạn pháp giai không. Đây là trí huệ chân thật, đây là ý nghĩa của “Vô Trí”, chân thật biết rằng là “Không”.

Sao mà chứng được vậy? Cách chứng đắc, không phải nói từ xưa đến nay, mà Phật Pháp kể từ quá khứ vô cùng, vị lai vô tận. Vô thủy vô chung, hết thảy chư Phật, Bồ Tát tu hành chứng quả, đều là đi con đường này, con đường Bồ Đề đại đạo. Con đường đó là gì? Là giới-định-huệ, nhân giới đắc định, nhân định khai huệ. Chữ “Huệ” này ý là “*Đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh*”. Đây gọi là thành Phật, đều đi con đường này. Nhưng bây giờ nảy sinh vấn đề rồi, người tu hành bây giờ chưa khai ngộ, chưa chứng quả. Do nguyên nhân gì? Vì không có tu định. Vì sao không tu định? Vì không trì giới. “Giới” không có thì sao mà đắc “Định” được? Không có “Định’ làm sao khai “Trí huệ”? Đây là hiện thực. Cho nên, tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn đều không thể thành tựu, chẳng luận là pháp môn nào.

Dựa vào giới-định-huệ mới có thể thành tựu; bỏ qua giới-định-huệ không thể nào thành công được. Hiện nay, giới-định-huệ không người dạy, không tìm ra lão sư. Vì sao không có thầy vậy? Vì không có học trò. Chân thật y theo giới-định-huệ mà tu, cũng chẳng còn ai, cũng không tìm ra người nào. Sự việc này rất nghiêm trọng, tôi dành ra một tuần tại hồng kông để thảo luận với mọi người về vấn đề này. Srilanka muốn thành lập trường Đại học Phật giáo, tôi giúp họ thực hiện. Ngân sách của trường học, với tình hình xây dựng trong thực tế, có sự chêch lệch rất lớn. Hay nói cách khác, cần đến rất nhiều tiền. Tôi nói với mọi người: Tiền của có được không dễ, là tiền cúng dường của Thập phương chúng sanh. Nếu như đại học này tương lai không làm nên trò trống gì, chúng ta thảy đều phải gánh trách nhiệm. Đó nào phải trò trẻ con, phải làm sao mới có thể để nó khởi tác dụng được? Chính là trường đại học đó, bất kể là ngành học nào. Nhất định phải có giới-định-huệ, đại học như vậy mới có thể bồi dưỡng nhân tài.

Hiện giờ, chúng ta không học giới, cho nên chí ít trường học. Khi bước vào trường học này, bất kể là giáo viên hay học sinh, ít nhất phải có hai năm học “Giới”: Một năm học “Giới Tiểu Thừa”, một năm học “Giới Đại Thừa”. Đây là bất đắc dĩ phải học bổ túc vậy. Mong sao trường học này, sau năm năm đến mười năm, tất cả học sinh đến đây học, nhất định giống như Trung Quốc thời xưa, có năm năm học “Giới”. Một khi họ bước vào trường đại học này, đầu tiên phải học “Giới luật” năm năm, sau đó mới có thể chuyên học Kinh luận. Không có năm năm học giới, nhất định không được để họ lên lớp. Có như thế Phật giáo mới có thể hưng khởi trở lại. Giới luật Đại Thừa, tôi biết chỉ có một người là pháp sư Quả Thanh của Đài Loan, chúng tôi có quan hệ rất tốt.

Lão sư Lý ở Đài Trung, vào những năm cuối đời tổ chức một Viện nghiên cứu Nội điển cuối cùng. Lúc đó lão sư Lý chiêu sinh được tám người học trò, sáu nam, hai nữ, đều đã tốt nghiệp đại học. Cho nên, cái lớp đó chính là lớp nghiên cứu. Pháp sư Quả Thanh rất khó được, sau bốn năm tốt nghiệp, thầy chuyên sâu về Giới luật, từ Giới luật hạ thủ công phu. Hơn 30 năm, thầy ấy từ Giới luật mà thành tựu, tuyệt không thua kém gì Hoằng Nhất đại sư. Điều này khiến chúng tôi thấy rất mãn nguyện, đáng được ca ngợi, tương lai nhất định phải làm một Học viện Luật. Bất kỳ Đại học Phật giáo ở bất kỳ nơi đâu trên thế giới, Giới luật Đại Thừa cần những người như vậy đến giảng dạy, không dạy như thế rất khó đào tạo ra nhân tài.

 Pháp môn niệm Phật là một ngoại lệ, nhưng một Đại học Phật giáo chính quy, nó không chỉ chuyên học mỗi Tịnh tông. Giáo trình giảng dạy ở Tịnh tông tại trường học có thể giảng, cũng có thể không giảng, bởi vì nó là pháp môn đặc thù. Pháp môn này thật sự khó tin, khó tin nhưng dễ hành, hơn nữa thành tựu lại nhanh. Đây là một pháp môn đặc thù, là pháp môn đặc biệt ngoài tám vạn bốn ngàn pháp môn. Đối với Giáo hạ, chúng ta dùng hết mấy chục năm hạ thủ công phu. Tôi đến năm 85 tuổi mới chịu buông bỏ; 33 tuổi ra ngoài giảng kinh dạy học; 26 tuổi bắt đầu học Phật. Sau cùng thấy rằng tất cả pháp môn, tự mình lượng sức mình, không có nền tảng của “Giới, định” không thể nào thành tựu được. Nghĩ tới nghĩ lui chỉ có pháp môn Tịnh Độ này. Đem thành tựu của nó chia làm hai giai đoạn: giai đoạn đầu là vãng sanh Thế Giới Cực Lạc, giai đoạn thứ hai là ở Thế Giới Cực Lạc viên mãn thành Phật. Thật sự thành tựu giới-định-huệ Tam học, là ở Thế Giới Cực Lạc. Sự việc này, chúng tôi nghĩ bản thân mình làm được, có thể làm đến được.

 Ở cõi đời này, muốn trong một đời thành tựu giới-định-huệ là hết sức khó khăn, bản thân chúng ta làm không được. Cho nên về sau tôi chuyên tu Tịnh Độ. Tôi chỉ có một bộ kinh, là bản hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư; một bộ chú giải, là bản chú giải của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ; một câu Phật hiệu, vạn duyên buông xả, niệm niệm cầu sanh Tịnh Độ. 88 năm sống trong cõi đời này, tôi nhìn rõ ràng, tường tận cả rồi; giác ngộ, chịu quay đầu rồi. Truyền thống văn hóa mai này nhất định sẽ hưng khởi. Tại Trung Quốc, ở trong nước, chúng ta thấy những hoạt động gần đây của Tập Chủ tịch. Những buổi đàm thoại tại nước ngoài, không lần nào ông không nhắc đến sự ưu tú của truyền thống văn hóa Trung Quốc. Truyền thống văn hóa là “Nho-Thích-Đạo”, ông ấy công khai khen ngợi Phật giáo.

Hiện nay không những Trung Quốc cần, mà toàn thế giới đều cần. Một số đồng học gần đây có đưa cho tôi vài bản tài liệu. Đó là những bản được trích ra từ những bản ghi chép, các cuộc phỏng vấn của tiến sĩ Thang Ân Tỷ vào những năm 70. Ông ấy rất quan tâm đến tiền đồ của thế giới này. Qua đó có thể thấy ông ấy là người có trí huệ, có lòng yêu thương, có tâm từ bi; không nỡ nhìn thấy thế giới này đứng bên bờ hủy diệt. Làm thế nào để thế giới này, không đi vào con đường hủy diệt đây? Đó chính là, thế giới này nhất định phải thống hợp. Tôi dùng từ “Thống hợp”, còn danh từ mà tiến sĩ Thang Ân Tỷ vẫn dùng là “Thống nhất”, tôi thấy dùng từ “Thống hợp” có vẻ tốt hơn từ “Thống nhất”, nói “Thống nhất” mọi người sẽ sợ.

Ai có tư cách để thống hợp toàn thế giới chứ? Ông ấy nói chỉ có người Trung Quốc, ông vô cùng khẳng định. Không phải người Châu Âu, cũng không phải người Mỹ, mà là người Trung Quốc. Chúng tôi tin câu nói này, bởi vì chúng tôi vào hai năm trước đã phát hiện ra “Quần Thư Trị Yếu”, bộ Điển Tịch Trị Quốc của Đường Thái Tông. Chúng tôi tìm được rồi, hiện đang cho lưu thông với số lượng lớn. Tôi tin sự thống nhất của toàn thế giới, phải dựa vào cái gì? Chính là dựa vào bộ sách này, bộ sách này chính là Điển Tịch mà các bậc Cổ thánh Tiên hiềnTrung Quốc mấy ngàn năm qua dùng để trị nước, bình thiên hạ. Nó là tinh hoa trong tinh hoa, của bộ “Tứ Khố Toàn Thư”, viết được quá hay, khoảng 50 vạn chữ.

Hiện giờ, chúng tôi nóng lòng mong sao bộ sách này, vì nó được viết theo lối văn ngôn văn, giờ phải đem nó chuyển thành văn Bạch Thoại. Phải dịch sao cho giữ lại nguyên vẹn ý nghĩa trong đó, không có sai sót. Chúng tôi hy vọng trong vòng ba năm, có thể cho ra được một bổn dịch theo lối Bạch Thoại đúng, chuẩn. Mai này dùng bộ Bạch Thoại “Quần Thư Trị Yếu” này, dịch thành ngôn ngữcủa các quốc gia trên toàn thế giới. Mọi người cùng nhau học tập, coi như đạt được thống hợp rồi. Cho nên, tôi nói với bạn bè nước ngoài: Thế kỷ 21 là thế kỷ của Trung Quốc, ý không phải nói là thế kỷ của vũ lực Trung Quốc, không phải chính trị của Trung Quốc, không phải khoa học kỹ thuật của Trung Quốc. Cũng không phải kinh tế thương mại, mà là thuộc về “Quần Thư Trị Yếu” của Trung Quốc. Quyển sách này tôi gửi tặng cho các bạn, các bạn đem về xem thử xem có hay không? Không một ai phản đối hết.

Tháng năm năm nay, Liên Hiệp Quốc có tổ chức Ngày lễ Phật đản, mời tôi tham gia, tôi không đi. Tôi gửi một cái đĩa trong đó có một bài nói chuyện, gửi đi một cái đĩa như vậy để họ mang đi mở cho mọi người xem. Bộ sách này chúng tôi soạn ra một quyển “360”; từ trong đó lại chọn ra những câu hay nhất mà xã hội hiện nay đang cần nhất. Đem nó dịch thành tiếng anh, gửi tặng cho đại sứ mỗi quốc gia. Tham gia hội nghi liệp hiệp quốc tổng cộng có 195 đại biểu đất nước. Ai cũng được tặng, mọi người đều hoan hỷ; nghe nói Tập Chủ tịch đến thăm Châu Âu. Trong mấy mươi buổi diễn giảng với báo cáo của ông, các đại sứ của trụ sở liệp hiệp quốc đều hết sức hoan hỷ, rất cảm động. Đây là một dấu hiệu tốt. Cho nên, tôi cảm giác bản dịch này vẫn chưa đủ trọn vẹn, chưa đủ tốt. Hy vọng mọi người nỗ lực thêm, làm ra một bản tận thiện tận mỹ hơn, để bản này lưu thông khắp thế giới. Mong sao mọi người đều học theo nó, nó là giáo huấn của Cổ thánh Tiên hiền. Đây thuộc về trí tuệ tổ tiên của loài người, rất đáng để chúng ta noi theo.

Tiến sĩ Thang Ân Tỷ nói, muốn cứu văn thế giới chỉ có học thuyết Khổng-Mạnh của Trung Quốc, với Phật Pháp Đại Thừa. Hết sức đáng tiếc, bộ “Quần Thư Trị Yếu” này, Thang Ân Tỷ chưa được thấy qua. Nếu như ông nhìn thấy nó, nhất định sẽ nói “*Chính là bộ này*”, bộ sách này quả thật có thể thống nhất thế giới, khiến mọi người đều vui vẻ hoan hỷ. Đến lúc đó họ tự động sẽ đến tham gia thôi, không cần phải gò ép bắt buộc, tự nhiên sẽ thành công. Đây là tia hy vọng cho thế giới này, chúng tôi thấy rồi, nên vui mừng khôn xiết. Do đó, cái này mới chân thật gọi là “Liễu Bổn Tế”.

Phần sau giới thiệu, “**Lúc đức Thế Tôn chuyển pháp luân lần thứ nhất**, **độ năm Tỳ kheo**, **Ngài Kiều Trần Như ngộ đạo đầu tiên**”. Sách Pháp Hoa văn cú chép: “**Ngài là đệ tử thứ nhất trong giáo pháp của Phật Thích Ca**”. “Pháp Hoa văn cú” là chú giải của kinh Pháp Hoa, là tác phẩm của Trí Giả đại sư đời Đường. đó là kinh điển chủ yếu nhất của Tông Thiên Thai, là bộ Kinh luận nhất định phải tu. Bộ này do Trí Giả đại sư thuyết giảng. Cả đời dạy học của Phật Thích Ca, người chứng quả A La Hán đầu tiên, chính là Ngài Kiều Trần Như. Trong “Phẩm Đệ Tử Kinh Tăng Nhất A Hàm” có một đoạn nói như sau: “**Phật gọi Ngài là**”, chữ “Phật” này ý chỉ cho Phật Thích Ca, Ngài nói: “**Tỳ kheo bậc nhất trong hàng Thanh Văn của ta**”. Thanh Văn là Tiểu Thừa, hàng Tiểu Thừa học Phật. Một đời của Thích Ca Mâu Ni Phật, đích thực là làm sự nghiệp giáo dục.

 Dạy học rất nghiêm chỉnh, có lớp lang hẳn hoi. Thanh Văn là tiểu học, là tiểu học của nhà Phật, thời gian tu học là mười hai năm. Hiện nay, tiểu học của chúng ta chỉ có sáu năm, còn tiểu học của Phật là mười hai năm. Nếu thành tích học tập xuất sắc, tốt nghiệp rồi sẽ chứng quả A La Hán, A La Hán tương đương tốt nghiệp tiểu học. Hoàn thành lớp Tiểu Thừa A La Hán, cái danh từ này dịch sang tiếng hoa gọi là “Vô Học”. “A” dịch là “Vô”, “La Hán” là “Học”. Họ tốt nghiệp Tiểu Thừa, coi như học xong giáo trình của Tiểu Thừa, thì gọi là “Vô Học”. Lên cao hơn nữa là Phương Đẳng, Phương Đẳng mất tám năm, tương đương với trung học. Trung học hiện nay, sơ trung và cao trung là sáu năm, trung học của Phật phải học tám năm. Lên cao nữa là đại học, đại học chính là Đại Thừa; Phương Đẳng là Đại Thừa trong Tiểu Thừa. Trong giai đoạn này, trước là “Thông Tiểu Thừa”, sau là “Thông Đại Thừa”. Đại Thừa là Bát Nhã, Bát Nhã là môn học chủ yếu nhất trongcuộc đời dạy học của Phật Thích Ca, thời hạn của nó là 22 năm. Đại học hiện thời chỉ học bốn năm, đại học của Thích Ca Mâu Ni Phật là 22 năm, giảng về Bát Nhã.

 Có thể thấy, Thế Tôn xuất thế, mục đích quan trọng nhất chính là giảng Bát Nhã cho chúng ta, đó là trí huệ; Đại Thừa là trí huệ chân thật. Tám năm sau cùng là dành cho Pháp Hoa, tựa như sở nghiên cứu vậy, mất tám năm. Pháp Hoa là hội Tam Thừa thành Nhất Thừa, mong sao bạn lấy được học vị cao nhất này, thế là bạn liền thành Phật. Kinh Pháp Hoa dạy rất rõ, tất cả chư Phật xuất hiện tại thế gian; giảng kinh dạy học, mục đích cuối cùng là Pháp Hoa.

 Vì thế mới nói là **“Pháp Hoa thành Phật”**, duy chỉ có mỗi pháp Nhất Thừa, không hai cũng chẳng ba. Nhất Thừa chính là muốn bạn thành Phật, muốn bạn “*Đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật*”. Đây là bổn hoài giáo dục của đức Phật, là mục đích cuối cùng của Ngài. Phật hy vọng thành tựu của bạn có thể ngang hàng với Ngài, có thể giống y như Ngài vậy. Cho nên, mục tiêu Đại học Phật giáo là muốn dạy mọi người thành Phật, chí ít cũng phải thành A La Hán, hay thành Tam Thừa Bồ Tát. Đây mới được xem là chân thật có thành tựu; thật sự là Đại học Phật giáo, chứ không phải giả.

Cho nên, chúng ta phải ghi nhớ: ***Giới luật quan trọng hơn bất cứ thứ gì***. Pháp sư Định Hoằng lúc còn du học ở Mỹ là đã theo tôi, mãi đến khi tốt nghiệp. Định Hoằng ở lại dạy học cho trường, từ giảng sư lên thành phó giáo thọ, rồi đến giáo thọ. Đến giáo thọ rồi mà Định Hoằng chưa chịu đi, về sau xuất gia rồi. Định Hoằng giảng kinh cũng khá. Năm trước, pháp sư Quả Thanh đến hồng kông thăm tôi. Tôi hiểu được một số tình hình của Quả Thanh, tôi rất tán thán. Tôi nói:

 - “*Định Hoằng theo Quả Thanh học giới, mong thầy ấy có thể dưới sự dìu dắt của pháp sư Quả Thanh*”.

Chăm chỉ học năm năm, đây là tiêu chuẩn của người xưa, sau đó mới ra giảng kinh tiếp. Đại học Phật giáo của Srilanka, sau khi xây dựng đâu ra đó, họ có thể đến bên đó giảng dạy. Dẫn dắt mọi người tu hành, khôi phục lại Phật giáo. Thầy cô giáo của Tiểu Thừa có rất nhiều, tôi từng thấy qua không ít, đều rất hiếm có. Còn giáo viên bên Đại Thừa cần phải nghiêm túc bồi dưỡng mới được. Trung Quốc từ khoảng cuối triều Đường, đã lơ là hai tông phái của Tiểu Thừa, đó là “Thành Thật Tông” và “Câu Xá Tông”, đó là pháp môn bắt buộc phải tu của nhà Phật. Nhưng vì lúc đó nhiều Tổ sư đại đức dùng nho với đạo để thay thế, làm không sai.

Chúng ta thấy trong hơn một ngàn năm qua, tám tông phái của Đại Thừa xuất hiện không ít các bậc Tổ sư đại đức có đức hạnh, có học vấn. Nhưng hiện nay vấn đề nảy sinh rồi, không ai học nho, cũng không ai học đạo. Tiểu Thừa cũng không học, Đại Thừa lại càng không, đây là tướng suy của Phật giáo Trung Quốc. Chúng ta nên biết nguyên nhân suy tàn của nó, phải bắt đầu dạy từ đâu? nhất định phải tuân theo những phép tắc xưa, phải chú trọng Giới luật. Chúng ta thấy Hải Hiền lão Hòa thượng, tuy Ngài không biết chữ, chưa từng học qua Giới luật, nhưng Ngài có đủ cả “Định” lẫn “Giới”, cũng có cả “Đạo” cùng với “Giới”. “***Tâm địa thanh lương tự tại***” trong xử việc, đối người, tiếp vật không hề mắc lỗi. Đây chính là Giới luật viên mãn.

Cái đĩa này, hy vọng mọi người học tập nó từng li từng tí, bạn từ trong này sẽ học được. Tịnh tông viên mãn, Đại pháp viên mãn và cả Tam học giới-định-huệ, Tông môn Giáo hạ lẫn Hiển Giáo, Mật Giáo, đều nhìn thấy trên con người Ngài. Quả thật là tấm gương tốt của Phật môn, hy vọng chúng ta noi gương Ngài. Đó chính là đệ tử số một của Phật Thích Ca, là đệ tử số một của đức Di Đà.

Đức Phật trong kinh A Hàm tán thán Ngài Kiều Trần Như: “**Khoan dung**, **nhân từ**, **hiểu rộng**”. “Khoan dung” ý chỉ cho tâm địa của Ngài, có tấm lòng rộng lớn, người Trung Quốc chúng ta hay nói là “Độ lượng”. “Khoan dung” tức là nói có lòng độ lượng lớn, có thể bao dung người khác. “**Tâm bao thái hư, lượng chu sa giới**”, đây gọi là “Khoan”. “Nhân” là từ bi, nhân từ, đại từ đại bi, hiểu biết rộng là do Ngài cố công học tập. Có trí huệ, có học vấn, có khả năng khuyến hóa khéo léo; thích dạy học, thích giáo hóa chúng sanh “***Dạy dỗ thánh chúng***”. “Tương” là dẫn đầu, Ngài cũng tựa như là lớp trưởng mà chúng ta hay gọi thời nay vậy, Ngài dẫn dắt một nhóm người, dạy dỗ họ “**Chẳng mất oai nghi**”. Ngài dạy rất giỏi, giảng rất hay, có thể tuân giữ quy tắc.

“**Kinh này**”, ý là bộ kinh hiện thời, “**Trước hết nêu tôn danh của Ngài**”, đưa tên Ngài lên trước tiên. “**Nhằm biểu thị**: **Người có thể nghe nhận kinh pháp này**, **đều là đệ tử bậc nhất**”, câu này nói rất hay. Lời này là do lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nói. Trong bộ kinh này, xếp Ngài Kiều Trần Như lên đầu, có dụng ý gì? Ý là người có thể nghe. Bạn có thể nghe được bộ kinh này, có thể thọ trì kinh này. Chữ “Thọ” này là gì? Là thật học, thật làm. Vậy bạn chính là đệ tử số một của A Di Đà Phật trong Tịnh tông. Đồng thời, bạn cũng là đệ tử số một của Thích Ca Mâu Ni Phật, vì sao? Vì đời này của bạn có thể viên mãn thành tựu. Vãng sanh tức là viên mãn thành tựu. “**Phẩm ‘chẳng phải là Tiểu Thừa’ của kinh này chép**”, có một đoạn kinh văn chứng minh cho lời này của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, là có căn cứ, không phải do Ngài nói một cách tùy tiện. Kinh văn có nói: “**Được nghe danh hiệu A Di Đà Phật**, **có thể trong một niệm sanh lòng hoan hỷ**, **tin ưa**”, Hải Hiền lão Hòa thượng chính là người như vậy. Ngài nghe được danh hiệu A Di Đà Phật vào năm 20 tuổi, do sư phụ dạy cho Ngài. Sư phụ chẳng dạy cái gì khác, chỉ dạy Ngài một câu này “Nam Mô A Di Đà Phật”, Ngài liền sanh lòng hoan hỷ, tin ưa.

 **“Quy y chiêm lễ**”, “Quy” là quy tâm, “Y” là nương vào. Trong đời này chúng ta nương vào cái gì? Chính là nương vào câu Phật hiệu này, một đời không đổi, cả đời không tìm kiếm bất kỳ pháp nào khác. Chân thật đúng như kinh Kim Cang đã nói: “**Pháp còn phải xả**, **huống hồ phi pháp**”, toàn bộ Phật Pháp đều buông xả. Bởi thế cứ y theo bộ kinh này, y theo Phật hiệu này là được rồi. Vì sao? Vì một câu Phật hiệu này, đã thâu nhiếp tất cả danh hiệu chư Phật trong đó. Cho nên niệm một câu “A Di Đà Phật”, coi như hết thảy chư Phật Như Lai đều niệm đến cả rồi. Không những tất cả chư Phật Như Lai được nói trong Hiển Giáo, mà chư Phật Như Lai được kể trong Mật Giáo cũng không ngoại lệ, đều nằm trong một câu “A Di Đà Phật”. Niệm một câu “A Di Đà Phật” coi như niệm đến hết rồi, một vị cũng không sót, đây là danh hiệu Phật.

Thứ hai là nói đến hết thảy Kinh giáo, cũng bao hàm trọn vẹn trong câu Phật hiệu này. Hết thảy chư Phật, Bồ Tát, với mọi Kinh giáo được thuyết đều không lìa “A Di Đà Phật”. Điều đó chúng ta có thể lý giải được. “A” có ý nghĩa gì? Dịch sang ý nghĩa Trung Quốc gọi là “Vô”. “Di Đà” có nghĩa gì? Nếu dịch sang tiếng hoa thì có nghĩa là “Lượng”. “Phật” có nghĩa gì? Phật là trí huệ, là giác ngộ. Hợp lại tức là “***Vô lượng trí huệ***”, “***Vô lượng giác ngộ***”. Có danh hiệu của vị Phật nào không phải là vô lượng giác chứ!

Có bộ Kinh luận nào không phải vô lượng giác? Bạn sáng tỏ được cái lý này, bạn sẽ biết câu “A Di Đà Phật” này. Thâu nhiếp tất cả danh hiệu chư Phật, gói trọn hết thảy Kinh giáo, không bỏ sót bất kỳ cái nào. Như Hải Hiền lão Hòa thượng, một câu Phật hiệu; mười năm chắc chắn đạt được “công phu thành phiến”, được “Sự nhất tâm bất loạn”; 20 năm hoặc 30 năm đương nhiên sẽ được “Sự nhất tâm bất loạn” và “Lý nhất tâm bất loạn”. Ngài có đạt đến “Lý nhất tâm bất loạn” không? Bạn hãy tỉ mỉ mà nghe chiếc đĩa của Ngài trong đó có một câu, Ngài nói: “***Cái gì tôi cũng biết***”, câu này không phải nói tùy tiện. “***Cái gì cũng biết***” là dành cho người “Đại triệt đại ngộ”; chưa “Đại triệt đại ngộ” không thể nói ra lời này. Cho nên tôi nghe Ngài nói câu nói đó, tôi khẳng định Ngài đạt đến “Lý nhất tâm bất loạn”, cũng chính là “Minh tâm kiến tánh”.

Ngài với Lục Tổ bên Thiền tông là cùng một cấp bậc, Lục Tổ là nhờ vào Thiền định, nhờ nghe Pháp. Ngũ Tổ giảng cho Ngài kinh Kim Cang, nhờ đó mà Ngài khai ngộ. Còn Hải Hiền lão Hòa thượng là nhờ vào niệm Phật mà khai ngộ. Cách thức tuy khác, nhưng cảnh giới đạt đến lại hoàn toàn giống nhau. Đây chính là nói pháp môn bình đẳng, không có cao thấp. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn, bất kỳ một pháp môn nào đều có thể giúp bạn chứng đến cảnh giới này. Chỉ cần bạn chuyên nhất, “Nhất” liền có thể đắc “Định”, “Định” liền có thể khai trí huệ. Chỉ e bạn học quá nhiều, học quá tạp, thế thì loạn mất, sẽ đánh mất cơ hội khai mở trí huệ. trong tâm tạp niệm quá nhiều, vọng tưởng quá nhiều, “Định” không nổi. Bởi thế nhất định phải chuyên.

Ngài Hải Hiền có một câu: “***Trên đời này không có việc gì khó*,*****chỉ sợ tâm mình không chuyên***”. Tâm không chuyên thì cũng hết cách, chỉ cần chuyên tâm, mọi việc trên đời không có gì là khó cả. Thành Phật là việc khó, không phải việc khó bình thường mà thôi. Thành Phật, muốn thành Phật thì buộc phải chuyên, chuyên nhất. Bộ kinh này dạy chúng ta “***Nhất hướng chuyên niệm***”, bạn liền có thể thành tựu. Chuyên tâm rất quan trọng, không gì quan trọng hơn nó.

Tôi mong chúng ta thường phải ghi nhớ, đừng học quá tạp, đừng học loạn cả lên. Phải buông xả, buông xả chướng ngại, buông xả phiền não, buông bỏ tập khí. Hai chữ “Quy y” này quan trọng. “Quy” là quay đầu, “Y” là nương theo, “Chiêm lễ” là cung kính. Điều quan trọng khi học Phật là phải có tâm chân thành, có lòng cung kính, khi đó bạn nhất định có thể nhập môn. Không có chân thành, không có cung kính, dù Phật có đến dạy bạn cũng vô ích.

“**Đúng lời dạy mà tu hành**”, tu hành chính là phải thật làm. “Tu” là sửa cho đúng, “Hành” là hành vi. Hành động của ta có muôn vàn, vô lượng vô biên, Phật đem nó quy nạp lại thành ba loại lớn là “Thân-Khẩu-Ý”, mọi thứ đều không ra khỏi ba loại này. Tâm là thuộc về ý niệm, khởi tâm động niệm là hành vi của ý nghiệp. Lời nói là hành vi của khẩu nghiệp, hành động là hành vi của thân nghiệp. Những việc làm từ ba nghiệp “Thân-Khẩu-Ý” sai rồi, có lỗi trong đó, phải đem nó cải sửa lại. Đó gọi là tu hành, tu hành là uốn nắn lại hành vi sai lầm của mình, sửa cho đúng những tư tưởng sai lầm. Sửa lại lời nói sai lầm cho chuẩn mực, sửa hành vi việc làm sai lầm thành đúng đắn, đó gọi là tu hành. Tiêu chuẩn của việc tu hành phải giống như lời dạy, chính là tiêu chuẩn của đức Phật đã dạy chúng ta. Dùng lời Phật dạy làm tiêu chuẩn, dùng nó để sửa đổi hành vi sai lầm của chúng ta cho đúng đắn. Dùng Giới luật, dùng Thiền định, thế thì trí huệ sẽ khai mở thôi.

“**Nên biết người ấy**”, đây là người “Lão thật, nghe lời, thật làm”. Người như vậy, “**Không phải Tiểu Thừa**”, họ không phải người Tiểu Thừa. “**Đáng gọi là đệ tử bậc nhất trong pháp của ta**”, có thể thấy người đó là đệ tử bậc nhất, cái này là do Phật Thích Ca nói ra. Niệm lão bảo: “**Nhằm biểu thị**: **Người có thể nghe nhận kinh pháp này**, **đều là đệ tử bậc nhất**”, Ngài Hải Hiền là đệ tử số một. Câu “**Đệ tử bậc nhất**” này là một câu, nằm trong phẩm “**Chẳng phải là Tiểu Thừa**” của bổn kinh. Lời này là do Phật nói, có thể thấy lời này. Chữ chữ câu câu đều có căn cứ, đó là lời thật, không hề giả. “Đệ tử bậc nhất”, không phải lời do lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nói, mà là lời Phật Thích Ca nói trong kinh. Ngài chỉ là dẫn dụng cách nói của Phật mà thôi.

 Hiện thời, Hải Hiền lão Hòa thượng của chùa Phật Lai vì chúng ta biểu pháp, vì chúng ta tác chứng. Chúng ta y theo kinh này, y theo bản chủ giải này tu hành, không có đi sai đường, không có nhầm lẫn. Hơn nữa, chúng ta còn là đệ tử số một của Phật Thích Ca, của Phật Di Đà. Chúng ta phải đảm đương vai trò này, đừng khách khí. Chúng ta quả thật là đệ tử bậc nhất của Phật!

Hôm nay thời gian tới rồi, chúng ta học đến chỗ này. Mọi người hãy mang theo danh hiệu “**Đệ tử số một**” này mà ra về.

 **A Di Đà Phật**

**NHẤT MÔN THÂM NHẬP-TRƯỜNG KỲ HUÂN TU**

**LÃO THẬT NIỆM PHẬT**

**BUÔNG XẢ VẠN DUYÊN**

**NHẤT TÂM NIỆM PHẬT-CẦU SANH TỊNH ĐỘ**

**THÀNH THẬT- NGHE LỜI – THẬT LÀM**

***XIN THƯỜNG NIỆM***

**A DI ĐÀ PHẬT-A DI ĐÀ PHẬT-A DI ĐÀ PHẬT**

